TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ————	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ————
Số: 149/2021/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 150/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/03/2021 về việc Ly hôn giữa:

Nguyên đơn

- Chị **Trần H P** - Sinh năm: 1991

Địa chỉ: số 3 ngõ 6xx HHT, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bị đơn:

- Anh **Nguyễn T Q** - Sinh năm: 1991

Địa chỉ: tổ 9 phường NT, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí;

Căn cứ vào các Điều 55, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2021

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I.Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần H P và anh Nguyễn T Q

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. **Về con chung**:

Chị Trần H P và anh Nguyễn T Q xác nhận co 1 con chung là cháu Nguyễn N K sinh ngày 31/12/2015.

Giao cháu Nguyễn N K cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ (ba triệu) đồng/tháng/con tới khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

2. Về tài sản chung và công nợ chung:

-Nhà ở, đất ở; các tài sản khác: Chị Trần H P và anh Nguyễn T Q xác định không có, không đè nghị Tòa án giải quyết.

- Các khoản vay, nợ: Chị Trần H P và anh Nguyễn T Q xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết

3. Về án phí: Chị Trần H P tự nguyện nộp toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) biên lai thu tiền số AA/2019/0001308 ngày 22/03/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Chị P đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường Ngọc Thụy, quận Long Biên,TP Hà Nội
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Nguyệt